

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2000- 2011

Ths. Trần Thị Mai Hoa, TS. Nguyễn Hồng Minh

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: tranthimaihoa75@gmail.com

Việt Nam đang trong tiến trình phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Để đạt mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp thì phát triển KCN là một bước đi quan trọng Nhận thức được tầm quan trọng của KCN đối với kinh tế cả nước nói chung và đối với Hà Nội nói riêng, thành phố đã tập trung đầu tư xây dựng và phát triển các KCN nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát triển kinh tế xã hội thành phố. Mặc dù đầu tư phát triển các KCN trên địa bàn Hà Nội đạt được nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế như: Quy hoạch phát triển các KCN còn yếu kém, công tác giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn, đầu tư cơ sở hạ tầng trong và ngoài KCN còn chưa đồng bộ, vấn đề ô nhiễm môi trường của các KCN ngày càng trầm trọng...Để đầu tư và phát triển các KCN hiệu quả, bền vững cần thực hiện đồng bộ các giải pháp.

Từ khoá: Khu công nghiệp, đầu tư, hạ tầng KCN, Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Khu công nghiệp là một mô hình tổ chức sản xuất lãnh thổ có tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên mỗi vùng và toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Một trong số những kinh nghiệm thành công trong công cuộc CNH-HĐH của các nước trong khu vực và thế giới là xây dựng và phát triển các KCN. Nhận thức được tầm quan trọng của các KCN đối với kinh tế Việt Nam nói chung và đối với kinh tế Hà Nội nói riêng, Hà Nội đã tập trung đầu tư phát triển các KCN nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát triển kinh tế- xã hội.

Trong giai đoạn vừa qua hoạt động đầu tư phát triển các KCN trên địa bàn thành phố Hà Nội đã đạt được một số thành tựu như: hình thành các KCN với kết cấu hạ tầng thuận lợi và tương đối đồng bộ, thu hút được một khối lượng vốn đầu tư lớn của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, tỷ lệ lấp đầy các KCN cao... Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, song quá trình đầu tư phát triển KCN của Thành phố đã bộc lộ một số tồn tại như: công tác quy hoạch phát triển KCN còn bất cập, công tác giải phóng mặt

bằng còn chậm chễ, đầu tư phát triển hạ tầng trong và ngoài KCN còn chưa hoàn chỉnh, ô nhiễm môi trường của các KCN ngày càng trở nên nghiêm trọng. Từ nhận định trên, bài viết này sẽ đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng đầu tư phát triển các KCN trên địa bàn Hà Nội giai đoạn 2000- 2011, và đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn, tồn tại trong hoạt động đầu tư phát triển các KCN.

2. Thực trạng đầu tư phát triển các KCN trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.1. Công tác quy hoạch phát triển các KCN

Trong hoạt động đầu tư phát triển các KCN, công tác quy hoạch phát triển các KCN có ý nghĩa quan trọng, quyết định đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động đầu tư, giúp phát triển các KCN phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội chung của thành phố. Thời gian qua, công tác quy hoạch các KCN trên địa bàn Hà Nội được thực hiện kịp thời và cụ thể như sau:

Năm 1994, KCN Nội Bài là một trong số các KCN đầu tiên của cả nước được Thủ tướng Chính

phù cho phép thành lập trên địa bàn thành phố Hà Nội với quy mô diện tích 100 ha. Đến nay theo quyết định số 1081/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội Hà Nội đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 Hà Nội có 33 KCN, khu công nghệ cao với diện tích quy hoạch khoảng 8500 ha.

Mục tiêu và định hướng quy hoạch phát triển các KCN Hà Nội trước đây là các KCN đa ngành nhằm thu hút các dự án trong nước và ngoài nước để đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, thu hút nhiều lao động. Tuy nhiên, những năm gần đây, Hà Nội quy hoạch phát triển các KCN sạch, KCN chuyên ngành, KCN phụ trợ với mục tiêu thu hút các dự án công nghệ cao, ít ô nhiễm môi trường, các ngành công nghiệp phụ trợ thuộc các lĩnh vực cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin, dược phẩm, vật liệu mới. Hiện nay, có một số các KCN đặc thù trên đã và đang được triển khai lập quy hoạch chi tiết, giải phóng mặt bằng gồm: KCN sạch Sóc Sơn 340 ha; KCN hỗ trợ Nam Hà Nội 440 ha; KCN công nghệ cao sinh học Từ Liêm 200 ha và khu công viên công nghệ thông tin 38 ha. Quy hoạch phân bố các KCN công nghiệp

Hà Nội hiện nay chủ yếu bám theo các trục quốc lộ trọng yếu như: Dọc theo quốc lộ 5, dọc theo trục đường cao tốc Thăng Long- Nội Bài.

Công tác quy hoạch các KCN trên địa bàn Hà Nội cho thấy một cái nhìn tổng thể về sự phân bố và phát triển các KCN, để từ đó đưa ra được các giải pháp có tính khả thi cao và đề xuất các cơ chế, chính sách cũng như tiến độ cụ thể để thực hiện quy hoạch.

2.2. Tình hình thu hút vốn đầu tư xây dựng hạ tầng KCN

Cơ sở hạ tầng là một trong các nhân tố quan trọng hấp dẫn và thu hút các nhà đầu tư vào các KCN. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong hơn 15 năm qua, Hà Nội đã không ngừng quan tâm đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng các KCN, điều đó được thể hiện rõ nét như:

- **Thứ nhất**, vốn đầu tư dành cho xây dựng cơ sở hạ tầng các KCN không ngừng tăng qua các năm. Qua bảng 1, có thể thấy vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các KCN Hà Nội có sự tăng đột biến vào năm 2009-2011 nguyên nhân chủ yếu là sự mở rộng địa lý của thành phố Hà Nội và sự kiện Việt Nam gia nhập WTO nên có một dòng vốn FDI lớn chảy vào

Bảng 1: Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các KCN tại Hà Nội giai đoạn 2000-2011

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Năm	Vốn đăng ký	Vốn thực hiện	Tỷ lệ vốn thực hiện/vốn đăng ký(%)
2000	1399	913	65,3
2001	1495	845	56,7
2002	1547	910	58,9
2003	1600	974	60,7
2004	1654	1008	61
2005	1754	1108	63,1
2006	1832	1034	56,3
2007	1975	1334	67,6
2008	2056	1454	70,5
2009	4037	2839	70,1
2010	4376	2899	66,3
2011	4545	2972	65,4

Nguồn: Vụ quản lý các KKT

nước ta cũng như vào các KCN Hà Nội. Với lượng vốn dành cho cơ sở hạ tầng tăng qua các năm cho thấy các KCN không chỉ tăng về quy mô diện tích mà chất lượng hạ tầng cũng được bảo đảm, hiện đại hơn. Tuy nhiên, hạ tầng các KCN của Hà Nội vẫn còn thiếu đồng bộ và chưa có các giải pháp hợp lý về các dịch vụ kèm theo, mới chỉ tập trung vào xây khu công nghiệp đơn thuần mà không chú ý xây khu đô thị xung quanh.

- **Thứ hai**, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư dành cho cơ sở hạ tầng khá ổn định, trung bình đạt 63%. Tuy nhiên, đây là một tỷ lệ không cao, nguyên nhân có thể kể đến là do chất lượng quy hoạch và phát triển khu công nghiệp còn kém, thiếu tầm nhìn dài hạn. Công tác giải phóng mặt bằng các KCN gặp rất nhiều khó khăn do chính sách đất đai, chính sách về KCN không nhất quán. Mặt khác năng lực và trách nhiệm của một số chủ đầu tư cũng như ban quản lý dự án còn nhiều bất cập. Chất lượng hồ sơ do các đơn vị tư vấn lập còn sơ sài, phát sinh nhiều dẫn đến phải bổ sung, điều chỉnh... Bên cạnh đó, tỷ lệ giải ngân vốn chậm cũng do chính sách tín dụng và lãi suất cho vay ở mức cao gây khó khăn trong việc huy động vốn.

- **Thứ ba**, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng bình quân cho 01 ha đất tại các KCN Hà Nội là 3,18 tỷ đồng/ha cao hơn hẳn so với các tỉnh thành khác (gấp 1,3 lần thành phố Hồ Chí Minh, gấp 2,8 lần tỉnh Đồng Nai, 3,0 lần tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, gấp 2,4 lần tỉnh Bắc Ninh). Điều này cũng dễ nhận thấy do quy mô các KCN tại Hà Nội tương đối nhỏ (*Hình 1*).

- **Thứ tư**, các doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc nhiều thành phần kinh tế như: doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Khỏi các doanh nghiệp tư nhân, cổ phần,... tham gia rất tích cực vào công cuộc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đây là một dấu hiệu tốt cho sự phát triển các KCN. Hiện nay, trên cả nước mô hình doanh nghiệp tư nhân xây dựng các KCN đang tỏ ra hiệu quả như KCN Tân Tạo (KCN được đánh giá là có cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh nhất thành phố Hồ Chí Minh), KCN Việt Hương... Các KCN tư nhân đầu tư thường có chất lượng rất tốt, thỏa mãn được những yêu cầu khó tính của các nhà đầu tư nước ngoài. Nhìn chung KCN được đầu tư theo hướng phát huy nguồn lực của mọi thành phần kinh tế.

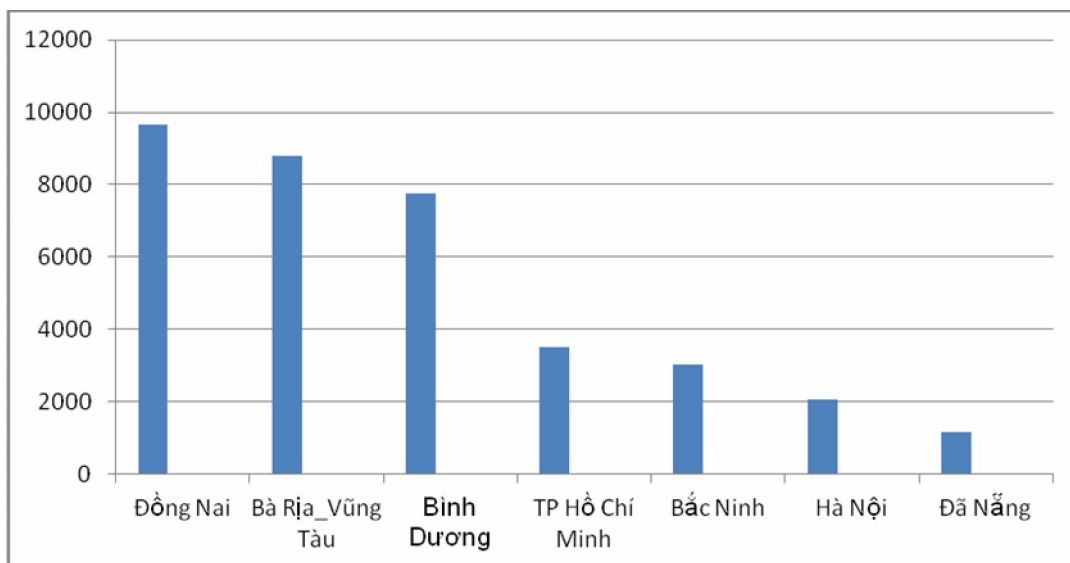
- **Thứ năm**, trong tổng vốn đầu tư nước ngoài tham gia vào đầu tư xây dựng hạ tầng các KCN Hà Nội, Nhật Bản luôn là quốc gia dẫn đầu (chiếm 64,7%), tuy nhiên, lượng vốn đầu tư/ha lại tương đương với các quốc gia khác. Điều này chứng tỏ sức hấp dẫn của việc đầu tư hạ tầng KCN là như nhau đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

2.3. Tình hình thu hút đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong các KCN

- **Thứ nhất**, tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong các KCN tại Hà Nội

Tính đến năm 2011, các KCN Hà Nội đã thu hút được 510 dự án đầu tư thứ phát trong đó có 254 dự án đầu tư nước ngoài với mức vốn đăng ký 3,6 tỷ

Hình 1: Diện tích các KCN tại một số tỉnh, thành phố (Đơn vị: ha)



Nguồn: Vụ quản lý các KKT

USD thuộc 18 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, các quốc gia có tỷ trọng vốn lớn như: Nhật Bản đứng đầu với số vốn đăng ký chiếm 54%, Trung Quốc, Hồng Kông chiếm 14,8% tổng vốn đăng ký FDI. Đặc biệt, các KCN Hà Nội đã thu hút được nhiều tập đoàn có uy tín, các công ty có qui mô vốn lớn từ 100 đến 300 triệu USD như Công ty TNHH Canon VN có tổng vốn đầu tư là 306,7 triệu USD, Công ty Hoya Glass Disk VN 230 triệu USD, Công ty Panasonic VN với vốn đầu tư 155 triệu USD, Công ty Panasonic Communication VN với vốn đầu tư 121,95 triệu USD, Công ty Nissei Electric Hà Nội với vốn đầu tư 100 triệu USD, Công ty YAMAHA Việt Nam với vốn đầu tư 47,62 triệu USD,...

Số dự án cấp mới tại các KCN Hà Nội năm 2011 là tương đối cao so với các tỉnh thành khác trong khu vực đồng bằng sông Hồng (14 dự án chiếm khoảng 21%, trong khi đó Hải Dương chiếm khoảng 7,6%, Hưng Yên 16.9% khu vực). Nhưng tổng vốn tăng thêm của các dự án đầu tư vào các KCN Hà Nội năm 2011 lại thấp, chỉ đạt 49,2 triệu USD (chiếm khoảng 1% tổng vốn tăng thêm cả nước) trong khi Hưng Yên đạt 296.8 triệu USD (chiếm khoảng 6,5% vốn tăng thêm cả nước). Nguyên nhân là quy mô các KCN Hà Nội tương đối nhỏ, mặt khác do lợi thế và môi trường đầu tư của Hà Nội còn thấp (chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI của Hà Nội chỉ đạt 58,28, đứng thứ 36 cả nước). Việc thiếu mặt bằng sạch cùng sự tác động của Nghị định 69 đã khiến chi phí giải phóng mặt bằng của Hà Nội tăng

gấp 5 lần so với trước, đẩy giá thuê hạ tầng ở Hà Nội tăng cao, làm giảm sức cạnh tranh so với những KCN ở các vùng lân cận.

Bên cạnh đó, số vốn đầu tư nước ngoài vào KCN Hà Nội năm 2011 chỉ chiếm khoảng 4% tổng vốn đầu tư nước ngoài (14 dự án đầu tư nước ngoài trên tổng số 239 dự án) vào thành phố Hà Nội, nguyên nhân do những chính sách ưu đãi đầu tư vào KCN đang mất dần, mức thuế thu nhập doanh nghiệp trong và ngoài KCN đều như nhau 25%. Kể từ ngày 1/1/2006, Nghị định số 142/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc tính thuế giá đất tại các KCN theo giá thị trường khiến cho giá thuê đất tại các KCN là rất cao.

Về hình thức đầu tư, Các dự án đầu tư nước ngoài trong KCN Hà Nội rất đa dạng. Các dự án có vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu đầu tư dưới hình thức doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài (gần 134 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 2435 triệu USD, chiếm khoảng 67% tổng vốn đầu tư đăng ký), hình thức liên doanh có gần 98 dự án (khoảng 1012 triệu USD).

Thứ hai, tình hình thu hút vốn đầu tư trong nước vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong các KCN tại Hà Nội

Giai đoạn 2000- 2011, Các dự án đầu tư trong nước vào các KCN Hà Nội cũng tăng đáng kể, đến nay số dự án đầu tư trong nước là 256 dự án, với mức vốn đầu tư đăng ký đạt 12.000 tỷ đồng, tuy nhiên tỷ lệ vốn thực hiện/vốn đăng ký đầu tư vào

Bảng 2: Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài vào hoạt động sản xuất kinh doanh các KCN năm 2011

	Đầu tư nước ngoài trong KCN				
	Cấp mới		Tăng vốn		Tổng vốn tăng thêm (triệu USD)
	Số DA	Vốn đăng ký (triệu USD)	Số DA	Vốn Đăng ký (triệu USD)	
Hà Nội	14	16,7	11	32,5	49,2
Hải Dương	5	16,7	5	66,6	83,3
Hưng Yên	11	247	7	49,8	296,8
Đồng Nai	25	138,1	41	507,6	645,8
Bình Dương	36	84,9	49	129	213,9
Bà Rịa-Vũng Tàu	8	701	5	101	802
Hồ Chí Minh	14	1026,7	30	193,4	1220
Đồng bằng sông Hồng	65	645,4	42	339,5	984,9
Cả nước	217	3083.2		1483,6	4566,8

Nguồn: Vụ quản lý các KKT

các KCN Hà Nội năm 2008-2010 chỉ đạt 0,4-0,6%. Điều này chứng tỏ các nhà đầu tư trong nước chưa quan tâm đến hoạt động đầu tư trong KCN, đặc biệt trong điều kiện các chính sách về ưu đãi đầu tư đang mất dần, giá đất thuê trong KCN cũng quá cao. Các KCN mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp chỗ cho nhà đầu tư xây dựng nhà máy, thay vì phải tạo được các khu công nghiệp liên hoàn theo chiều dọc trong chuỗi phân công sản xuất. Điều này khiến mối liên kết của các doanh nghiệp trong một khu công nghiệp yếu.

Các dự án đầu tư trong nước vào các KCN chủ yếu sử dụng công nghệ thấp tập trung nhiều vào công nghiệp chế biến thực phẩm, cơ khí hoặc gia công.

Tóm lại, trong số 510 dự án đăng ký đầu tư đến nay có khoảng 400 dự án đi vào hoạt động, số còn lại đang trong quá trình xây dựng. Các doanh nghiệp trong KCN Hà Nội hàng năm đóng góp cho ngân sách trên 1.000 tỷ đồng (bình quân 1 tỷ đồng/1ha) và thu hút trên 100.000 lao động (bình quân 100 lao động/ha).

2.4. Tình hình xây dựng nhà ở cho công nhân KCN

Ngoài việc đầu tư phát triển hạ tầng và sản xuất kinh doanh trong các KCN thì việc cải thiện điều kiện sống cho công nhân trong các KCN là một nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi phải có sự quan tâm giải quyết của các cơ quan chức năng và doanh nghiệp. Chỉ thị số 22-CT/TW ban hành ngày 5-6-2008 của Đảng đã yêu cầu "chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; hoàn thiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; quy hoạch phát triển KCN, KCX gắn với quy hoạch khu dân cư; có giải pháp phát triển nhà ở và hạ tầng xã hội nhằm cải thiện đời sống của người lao động. Thực hiện chủ trương trên và để đảm bảo sự đồng bộ về hạ tầng xã hội, thành phố Hà Nội đã đầu tư xây dựng thí điểm dự án nhà ở công nhân khu Kim Chung với diện tích quy hoạch giai đoạn I khoảng 20 ha, đáp ứng nhu cầu cho khoảng 11.000 công nhân KCN Bắc Thăng Long. Đến nay, dự án đã đi vào hoạt động và giải quyết chỗ ở cho 6.000 lao động.

Ngoài việc đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp Bắc Thăng Long, UBND thành phố Hà Nội đã phê duyệt dự án xây dựng khu nhà ở với tổng vốn đầu tư là 203 tỷ đồng trên diện tích 3,7 ha cho công nhân của Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Phú Mỹ, chủ đầu tư KCN Phú Nghĩa. Dự án

này đáp ứng được nhu cầu chỗ ở cho 8.000 lao động. Hiện nay, chủ đầu tư đã xây dựng 1 đơn nguyên nhà kiên cố và một số nhà bán kiên cố đưa vào sử dụng phục vụ chỗ ở cho gần 1.000 lao động.

3. Một số hạn chế và nguyên nhân tồn tại trong hoạt động đầu tư phát triển các KCN trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thứ nhất, chất lượng công tác quy hoạch KCN và triển khai thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt còn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, chưa có tầm nhìn dài hạn, chưa tính tới liên kết các doanh nghiệp trong KCN, cũng như giữa các KCN trên cùng thành phố, vùng lãnh thổ. Quy hoạch các KCN thiếu tính đồng bộ giữa hạ tầng trong và ngoài hàng rào, chưa chú trọng đến các công trình hạ tầng xã hội như khu nhà ở cho công nhân, trạm y tế, khu vui chơi giải trí,... Ví dụ, như việc bố trí địa điểm xây dựng KCN chú trọng nhiều đến việc lựa chọn vị trí thuận lợi như xây dựng cạnh các tuyến quốc lộ, gần trục lộ giao thông chính mà không tính đến khả năng phát triển của đô thị trong tương lai. Vì vậy, khi mở rộng thành phố, một số KCN đã nằm trong nội đô, ngay sát khu dân cư như KCN Sài Đồng B, KCN Hà Nội Đài Tư, nên đã làm thay đổi cấu trúc giao thông cũng như quy hoạch thủ đô. Nguyên nhân là do chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch các KCN mang tính dài hạn và quy hoạch phát triển KCN chưa thực sự gắn với quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội thủ đô.

Thứ hai, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc. Các quy định của pháp luật liên quan đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng KCN chưa rõ ràng hay thay đổi, chưa phản ánh sát với điều kiện thực tế dẫn đến tình trạng giá đất và chi phí bồi thường tăng cao, buộc chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN hạch toán chi phí tăng do đền bù giải phóng mặt bằng vào giá cho thuê lại đất công nghiệp, giảm tính cạnh tranh của các KCN.

Thứ ba, các chương trình xúc tiến đầu tư vào các KCN chưa thực sự đồng bộ, thống nhất với định hướng ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên gắn với lợi thế so sánh và điều kiện phát triển của Hà Nội. Do đó, các chương trình xúc tiến đầu tư vẫn mang tính cục bộ, chưa đạt hiệu quả cao, chưa thu hút được các dự án đầu tư có hàm lượng công nghệ cao.

Thứ tư, liên kết kinh tế giữa các doanh nghiệp trong KCN còn nhiều hạn chế. Đến nay, Hà Nội mới chỉ có KCN Thăng Long là mang bóng dáng của

một KCN có mang tính chuyên ngành (mặc dù vẫn ở mức độ thấp), còn tất cả các KCN còn lại đều là các KCN đa ngành. Do vậy, việc tận dụng lợi thế chuyên môn hóa và tận dụng được nguồn nguyên, phụ liệu của nhau là chưa có. Sự đa dạng về mặt hàng, ngành hàng ở đây làm cho tính liên kết ngành nghề không phát huy được tác dụng, một số KCN còn tồn tại cả những ngành công nghiệp vốn đối lập nhau về cách thức sản xuất, vệ sinh an toàn, xử lý ô nhiễm môi trường như trong KCN Sài Đồng B còn có doanh nghiệp sản xuất thức ăn gia súc (New Hope Hà Nội), may mặc (MSA-Hapro), Bánh kẹo Biên Hòa, Khí đốt Gia Định... xen lẫn các doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện tử.

Thứ năm, nhà ở cho công nhân lao động còn thiếu. Cũng như các KCN trên cả nước, nhà ở cho công nhân lao động làm việc trong các KCN Hà Nội đang là vấn đề cấp thiết. Hà Nội mới chỉ đáp ứng được 5% nhu cầu về nhà ở cho người lao động. Nhiều KCN cũ đã thu hút hàng chục nghìn lao động nhưng không có khu nhà ở, nhiều khu không còn đất xây dựng.

Thứ sáu, công tác bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập. Vấn đề bảo vệ môi trường KCN tuy đã được cải thiện, song vẫn còn tồn tại một số KCN, doanh nghiệp KCN chưa tuân thủ nghiêm túc pháp luật về môi trường. Các KCN chưa quy hoạch khu xử lý chất thải rắn, chưa thiết lập hệ thống thu gom, phân loại, lưu trữ vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại... Nguyên nhân do ý thức của doanh nghiệp thứ cấp, kể cả doanh nghiệp là chủ đầu tư cơ sở hạ tầng KCN nhiều khi còn chưa cao, vẫn đặt lợi ích kinh tế lên trên trách nhiệm bảo vệ môi trường. Ví dụ như trong 8 KCN (Thăng Long, Nội Bài, Sài Đồng B, Hà Nội-Đài Tu, Nam Thăng Long, Thạch Thất-Quốc Oai, Phú Nghĩa, Quang Minh), mới chỉ có 04 KCN đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung, 04 KCN còn lại mới đang tiến hành đầu tư. Ngoài ra, công tác phối hợp kiểm tra, giám sát bảo vệ môi trường KCN của các cơ quan nhà nước chưa thật chặt chẽ, ít có các cuộc kiểm tra đột xuất.

Thứ bảy, cơ chế chính sách đối với các KCN vẫn còn nhiều điểm vướng mắc như: Quy định về ưu đãi đối với các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN thiếu ổn định, nhất quán, mức ưu đãi đối với các dự án đầu tư mới và mở rộng trong KCN còn nhiều điểm chưa hợp lý, chưa thực sự hấp dẫn, ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các nhà đầu tư. Ví dụ như, từ 01/01/2009, theo qui định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và

nghị định số 124/ 2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì: các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong KCN không thuộc đối tượng hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nữa. Bên cạnh đó, việc phân cấp, ủy quyền cho ban quản lý các KCN trong một số lĩnh vực còn chưa được thực hiện đầy đủ, nhất quán.

4. Một số giải pháp thúc đẩy đầu tư phát triển các KCN trên địa bàn Hà Nội đến năm 2020

4.1. Nâng cao chất lượng công tác qui hoạch

Qui hoạch phát triển các KCN phải phù hợp với qui hoạch phát triển tổng thể các KCN trên cả nước, qui hoạch phát triển công nghiệp, và qui hoạch phát triển kinh tế xã hội của thành phố nhằm phát huy lợi thế so sánh của Hà Nội.

Qui hoạch xây dựng hạ tầng trong KCN phải gắn với qui hoạch hạ tầng ngoài hàng rào KCN. Việc qui hoạch các công trình hạ tầng ngoài hàng rào KCN phải đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt cũng như phù hợp với “Qui hoạch xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050” đã được Chính phủ phê duyệt.

4.2. Đẩy mạnh công tác đền bù, giải phóng mặt bằng

Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng phải dựa trên cơ sở qui hoạch phát triển dài hạn các KCN. Công tác giải phóng mặt bằng phải có chỉ dẫn, có ranh giới và phải được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thực hiện tốt chính sách bồi thường và tái định cư khi thu hồi đất để phát triển các KCN, đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho người dân bị thu hồi đất chuyển sang các hoạt động phát triển dịch vụ phục vụ KCN và được làm việc trong các KCN.

4.3. Tăng cường công tác vận động, xúc tiến đầu tư để thu hút vốn đầu tư vào KCN

Lập danh mục các dự án gọi vốn đầu tư làm cơ sở thực hiện các chương trình vận động xúc tiến đầu tư và tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, đánh giá tiềm năng của các đối tác đầu tư, xu hướng đầu tư của các công ty, tập đoàn xuyên quốc gia.

Các phương thức tổ chức xúc tiến cần đổi mới, đa dạng hoá. Ban quản lý các KCN cần phối hợp với các công ty đầu tư hạ tầng KCN thực hiện các chương trình vận động trực tiếp đối với từng lĩnh

vực, dự án và các đối tác cụ thể.

Nâng cao hiệu quả hoạt động vận động đầu tư gián tiếp trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng cách phối hợp với các cơ quan, hãng thông tấn, báo chí, truyền hình trong và ngoài nước để tăng tần suất thông tin về môi trường và cơ hội đầu tư vào KCN Hà Nội.

Nâng cao chất lượng thông tin, ấn phẩm tuyên truyền đầu tư, đồng thời kết nối trang web của tạp chí KCN Việt Nam với trang web của các BQL KCN cấp tỉnh, trang web của các công ty phát triển hạ tầng KCN để hình thành hệ thống mạng thông tin chung về KCN của Việt Nam.

4.4. Xây dựng KCN chuyên ngành

Xây dựng các KCN theo hướng liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI để phát triển ngành công nghiệp phụ trợ. Bên cạnh đó, xây dựng các KCN có hạ tầng đồng bộ, hiện đại theo hướng thân thiện với môi trường tạo ra các công viên xanh sạch theo mô hình thành phố công nghiệp đô thị hiện đại. Chú trọng thu hút đầu tư vào những ngành nghề đã được qui hoạch.

4.5. Hoàn thiện chính sách về nhà ở cho người lao động trong các KCN

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế phải gắn với giải quyết các vấn đề xã hội vì vậy khi phê duyệt các dự án KCN phải dành quỹ đất tương xứng để xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi xã hội cho người lao động. Thành phố cần tạo điều kiện về quỹ đất, có những qui định ưu đãi về tiền sử dụng đất, miễn giảm thuế, vay vốn ưu đãi, hỗ trợ hạ tầng, đơn giản hoá thủ tục cấp phép xây dựng. Bên cạnh đó, thành phố cần có chính sách, qui định bắt buộc các doanh nghiệp sử dụng lao động phải có trách nhiệm dành một tỷ lệ vốn tham gia giải quyết nhà ở cho

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2012), Kỳ yếu 20 năm xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế ở Việt Nam 1991-2011.
2. Trần Ngọc Hưng (2009), Xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế - kết quả đạt được trong năm 2008 và định hướng điều hành hoạt động năm 2009, tạp chí khu công nghiệp Việt Nam.
3. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (2012), Tình hình xây dựng, phát triển các KCN trên địa bàn thành phố Hà Nội và mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới, Kỳ yếu 20 năm xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế ở Việt Nam 1991-2011.
4. Vụ quản lý các khu kinh tế (2012), báo cáo tình hình hoạt động các khu công nghiệp từ năm 2000-2011.
5. Nghị định 29/2008/NĐ-CP nghị định của Chính phủ qui định về KCN, KCX và KKT.
6. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008.
7. Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

người lao động thông qua hình thức đóng góp tài chính hoặc tự xây nhà ở tập thể cho người lao động thuê, mua.

4.6. Xây dựng và thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường các KCN

Xây dựng và thực hiện các chính sách phòng chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường các KCN, triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường của thành phố giai đoạn 2011-20215, nâng cao năng lực tự kiểm soát và chủ động, bảo vệ môi trường của doanh nghiệp.

Các dự án có công nghệ cao, tiên tiến và hiện đại được khuyến khích ưu tiên lựa chọn. Yêu cầu Các nhà đầu tư đổi mới thiết bị, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, lựa chọn công nghệ mới. BQL các KCN chỉ chấp thuận các dự án có đủ điều kiện về sản xuất, về môi trường nhằm phát triển bền vững các KCN. Các KCN phải xây dựng đồng bộ hệ thống xử lý nước thải.

4.7. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính

Công tác thủ tục hành chính phải công khai, qui trình giải quyết rõ ràng, nhanh chóng và triển khai hiệu quả cơ chế thủ tục hành chính “một cửa” hướng tới cơ chế thủ tục hành chính điện tử, xây dựng và đăng ký tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền qua mạng.

Thực hiện tốt qui chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc quản lý nhà nước đối với các KCN, phân cấp tối đa cho ban quản lý các KCN và xây dựng hệ thống thông tin được cập nhật thường xuyên giữa ban quản lý các KCN và các đơn vị có liên quan với doanh nghiệp. □